SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH; Thời gian ký: 2025-10-14T15:23:36+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6330 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 13 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 – 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 – 2030;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh tại tờ trình số 429/TTr-QĐTPT ngày 01 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 – 2030 như sau:

1. Lĩnh vực công nghiệp

a) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

b) Sản xuất kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Cơ khí chế tạo.

c) Sản xuất, chế biến thực phẩm (nông - thủy sản).

d) Các sản phẩm điện tử: linh kiện, phụ kiện điện tử, phần mềm, công nghệ…

đ) Hóa chất và sản phẩm hóa chất: sản phẩm công nghệ sinh học, công nghiệp hóa phẩm, hóa chất bảo vệ môi trường; phân bón, hóa dược, hóa chất tiêu dùng.

e) Sản phẩm từ cao su và plasitc: bao bì, in ấn, nhựa vật liệu xây dựng, nhựa kĩ thuật.

g) Sản xuất, chế biến cây công nghiệp.

h) Dược phẩm.

i) Dệt may – Da giày.

2. Lĩnh vực Thương mại, dịch vụ

a) Hạ tầng thương mại, siêu thị, chợ truyền thống, thương mại điện tử; trung tâm trao đổi nông sản, hàng hóa.

b) Cảng cạn, Trung tâm Logistics: phương tiện vận tải, kho hàng, bãi tập kết, hạ tầng logistics, hạ tầng cảng cạn.

3. Lĩnh vực nông, lâm và ngư nghiệp

a) Trồng trọt: Sản xuất, bảo quản chế biến và xuất theo chuỗi giá trị ứng dụng khoa học công nghệ cao.

Hạ tầng nông nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.

b) Chăn nuôi: Chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ theo chuỗi giá trị ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Lâm nghiệp: Các dự án trồng và chăm sóc rừng.

4. Lĩnh vực Y tế và giáo dục

a) Kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế.

b) Bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa, trung tâm phục hồi chức năng, viện dưỡng lão, Trung tâm chăm sóc người cao tuổi.

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục.

d) Trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề, trường cao đẳng, trường đại học, đại học.

đ) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, lao động có kỹ năng, có tay nghề; trung tâm hướng nghiệp.

e) Trung tâm đào tạo, sát hạch giấy phép lái xe.

5. Lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch

a) Trung tâm Văn hoá – Thể thao, khu liên hợp văn hoá, thể dục thể thao.

b) Cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch văn hóa, lịch sử, khảo cứu và du lịch tâm linh.

6. Lĩnh vực mạng lưới thông tin và truyền thông

a) Hạ tầng bưu chính, kinh tế số, thương mại điện tử, hạ tầng công nghệ số.

b) Hạ tầng số toàn diện.

7. Lĩnh vực phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Hạ tầng, hệ thống cung cấp nước phục vụ chữa cháy, thiết bị chuyên dụng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

8. Lĩnh vực hạ tầng giao thông

a) Hệ thống bến xe, bãi đậu xe.

b) Hệ thống đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng.

c) Cảng thủy hàng hóa; cảng xăng dầu; cảng phục vụ hoạt động nhà máy, khu công nghiệp; phương tiện vận tải chuyên dụng.

d) Phương tiện vận tải hành khách.

đ) Trạm sạc điện.

9. Lĩnh vực năng lượng

a) Phát triển mạng lưới điện, nhà máy điện, năng lượng tái tạo, điện khí hóa lỏng (LNG).

b) Kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu, trạm cấp LPG.

10. Lĩnh vực môi trường

a) Xây dựng công trình cấp nước, mạng lưới đường truyền tải nước.

b) Hệ thống thoát nước mặt, hệ thống lọc, xử lý nước thải.

c) Xử lý chất thải rắn, hệ thống, xử lý chất thải sinh hoạt công nghệ cao.

d) Trạm trung chuyển phương tiện vận chuyển chất thải.

11. Lĩnh vực khoa học công nghệ

a) Trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ sinh học, dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao.

b) Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo; khu công nghệ cao.

12. Lĩnh vực hạ tầng đô thị

a) Nhà ở xã hội, nhà ở tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

b) Hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.

13. Các công trình trọng điểm của tỉnh: do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 2. Giao Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh và Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành danh mục thuộc các lĩnh vực đầu tư, cho vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ưu tiên của tỉnh để Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An đầu tư và cho vay giai đoạn 2021-2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Dung.

QD-DANH MUC LVUC DAU TU,CHO VAY

01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Sơn